|  |  |
| --- | --- |
| **QUỐC HỘI \_\_\_\_\_\_\_**  Luật số: …../20…/QH… | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |

**LUẬT**

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG** **TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013;*

*Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.*

**Điều 1**. **Sửa đổi, bổ sung Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.**

1. Sửa đổi khoản 3, khoản 5 và bổ sung khoản 6 Điều 5 như sau:

“3. Tăng cường đầu tư, áp dụng đa dạng hình thức huy động các nguồn lực để đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ tiên tiến sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; phát triển năng lượng tái tạo phù hợp với tiềm năng, điều kiện của Việt Nam góp phần bảo đảm an ninh năng lượng, bảo vệ môi trường. Khuyến khích phát triển những ngành nghề tiêu thụ ít năng lượng, tài nguyên thiên nhiên, tạo ra giá trị gia tăng cao. Tăng cường chính sách kiểm soát đối với những ngành, lĩnh vực có cường độ sử dụng năng lượng cao, tiêu thụ nhiều tài nguyên thiên nhiên.

5. Khuyến khích phát triển dịch vụ tư vấn năng lượng; đầu tư hợp lý cho công tác tuyên truyền, giáo dục, hỗ trợ tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Khuyến khích đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn, cập nhật kiến thức… cho các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực tiết kiệm năng lượng, lực lượng kiểm toán viên năng lượng và cán bộ quản lý năng lượng tại cơ sở sử dụng năng lượng. Khuyến khích cơ sở sử dụng năng lượng ký kết thỏa thuận tự nguyện về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả với cơ quan quản lý nhà nước.

6. Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả phải được đưa vào là chỉ tiêu bắt buộc trong kế hoạch phát triển kinh tế xã hội toàn quốc và của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.”

2. Bổ sung khoản 3, Điều 6 như sau:

“3. Nguồn lực cho sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

a) Nguồn lực để thực hiện hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả bao gồm:

Ngân sách nhà nước chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển cho sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Nguồn vốn xã hội hóa cho sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

b) Ngân sách nhà nước có nội dung chi cho hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và được bố trí phù hợp với khả năng ngân sách và yêu cầu, nhiệm vụ về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

c) Ngân sách nhà nước chi cho việc thực hiện sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả bao gồm các hoạt động: Thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước như xây dựng cơ chế, chính sách, kiểm tra, thanh tra, giám sát, xây dựng cơ sở dữ liệu; Hỗ trợ kỹ thuật về kiểm toán năng lượng, xây dựng hệ thống quản lý năng lượng, cải tiến công nghệ, thực hiện các giải pháp tiết kiệm năng lượng; Đào tạo, truyền thông; Thành lập Quỹ tài chính quốc gia thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.”

3. Sửa đổi Điều 7 như sau:

“Chính phủ ban hành các chỉ tiêu thống kê về sử dụng năng lượng trong hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia theo quy định của Luật này và pháp luật về thống kê”

4. Sửa đổi điểm đ, điểm e khoản 1 và bổ sung khoản 3 Điều 13 như sau:

“đ) Đơn vị truyền tải, phân phối điện phải xây dựng chương trình, kế hoạch, định mức và lộ trình cụ thể nhằm giảm tổn thất điện năng trong hệ thống truyền tải và phân phối, ưu tiên kiểm tra, giám sát chế độ non tải, quá tải của hệ thống lưới điện;

e) Đơn vị khai thác than, dầu khí phải có phương án tận thu khí đồng hành và tài nguyên năng lượng khác. Định kỳ tổ chức rà soát và cập nhật xây dựng định mức hao hụt xăng, dầu, than. Tăng cường kiểm soát tổn thất, hao hụt xăng dầu, than trong các khâu khai thác, chế biến, sản xuất, vận chuyển, phân phối, tồn trữ trong hệ thống cung ứng của doanh nghiệp.

3. Chính phủ giao Bộ quản lý chuyên ngành xây dựng và ban hành quy định về định mức sử dụng năng lượng tự dùng trong các cơ sở sản xuất và cung cấp năng lượng.”

5. Bổ sung khoản 4 Điều 16 như sau:

“Chính phủ giao Bộ quản lý chuyên ngành quy định việc dán nhãn cho vật liệu xây dựng và phương tiện vận tải.”

6. Bổ sung khoản 4 Điều 30 như sau:

“4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, giao nhiệm vụ cho đơn vị đầu mối triển khai thực hiện và phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ, và xử lý vi phạm đối với hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả của cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước trong phạm vi quản lý.”

7. Sửa đổi đoạn 2 Điều 32 như sau:

“Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm hai năm một lần.”

8. Sửa đổi điểm đ khoản 1 và sửa đổi khoản 2 Điều 33 như sau:

“đ) Áp dụng mô hình quản lý năng lượng theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Tổ chức duy trì hệ thống đo đếm, đảm bảo tính chính xác của hệ thống đo đếm nhằm theo dõi, giám sát tình trạng sử dụng năng lượng để thống kê tình hình tiêu thụ, sử dụng các dạng năng lượng khác nhau;”

2. Chính phủ giao Bộ quản lý chuyên ngành hướng dẫn cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm xây dựng và thực hiện kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả hằng năm và năm năm, quy định mẫu báo cáo định kỳ hằng năm và năm năm, áp dụng mô hình quản lý năng lượng phù hợp.”

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 34 như sau:

“4. Chính phủ quy định cụ thể về cơ sở thực hiện kiểm toán năng lượng; trình tự, thủ tục thực hiện kiểm toán năng lượng; nội dung, chương trình đào tạo, thẩm quyền cấp, công nhận, thu hồi, thời hạn của chứng chỉ kiểm toán viên năng lượng.”

10. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 và Khoản 3, Điều 35 như sau:

“d) Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; theo dõi, giám sát nhu cầu, định mức sử dụng năng lượng.

3. Chính phủ giao Bộ quản lý chuyên ngành quy định nội dung, chương trình đào tạo, thẩm quyền cấp, công nhận, thu hồi, thời hạn chứng chỉ quản lý năng lượng.”

11. Sửa đổi khoản 2 Điều 37 như sau:

“2. Dán nhãn năng lượng đối với phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng và vật liệu xây dựng.”

12. Bãi bỏ khoản 2, sửa đổi khoản 1, khoản 3, bổ sung khoản 5 và khoản 6 Điều 39 như sau:

“1. Phương tiện, thiết bị, vật liệu thuộc danh mục phương tiện, thiết bị, vật liệu phải dán nhãn năng lượng phải được dán nhãn trước khi đưa ra thị trường.

3. Cơ sở sản xuất, doanh nghiệp nhập khẩu, phân phối phương tiện, thiết bị và vật liệu thực hiện công bố, dán nhãn năng lượng đối với phương tiện, thiết bị sau khi phương tiện, thiết bị đã được thử nghiệm, đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn hiệu suất năng lượng quốc gia tại phòng thử nghiệm.

5. Chính phủ giao Bộ quản lý chuyên ngành tổ chức triển khai hoạt động dán nhãn năng lượng đối với vật liệu xây dựng, phương tiện vận tải.

6. UBND các tỉnh, thành phố xây dựng kế hoạch hàng năm tổ chức triển khai kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định quản lý phương tiện, thiết bị sử năng lượng trong sản xuất, kinh doanh, phân phối trên địa bàn.”

13. Sửa đổi khoản 2, khoản 3 và bổ sung khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 41 như sau:

“2. Quỹ tài chính quốc gia thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

a) Chính phủ thành lập Quỹ tài chính quốc gia thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả để cho vay ưu đãi, bảo lãnh, nhận ký quỹ, tài trợ, hỗ trợ tài chính đầu tư cho hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, bao gồm các dự án chuyển đổi xanh và chuyển đổi số.

b) Chính phủ quy định nguồn vốn, bao gồm một phần từ nguồn ngân sách nhà nước và nguồn lực của nhân dân, của xã hội và các nguồn lực từ bên ngoài, điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ tài chính quốc gia thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

c) Thủ tướng Chính phủ quyết định việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ tài chính quốc gia thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

3. Tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất sản phẩm, vật liệu tiết kiệm năng lượng; đầu tư nâng cấp, cải tạo dây chuyền sản xuất, mở rộng quy mô sản xuất bằng công nghệ tiết kiệm năng lượng, dự án đầu tư vào các cơ sở tiết kiệm năng lượng, sản xuất, lắp đặt máy móc, thiết bị hoặc vật liệu tiết kiệm năng lượng, các dự án nhằm tối ưu hóa việc sử dụng năng lượng hoặc giảm phát thải khí nhà kính thông qua chuyển đổi nhiên liệu, được ưu đãi, hỗ trợ như sau:

a) Ưu đãi về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế;

b) Các ưu đãi theo quy định của pháp luật về đất đai;

c) Được vay vốn ưu đãi và hỗ trợ từ các quỹ: Quỹ tài chính quốc gia thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, Ngân hàng Phát triển, Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ Bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật và được hỗ trợ từ Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao; Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;

d) Các ưu đãi khác theo quy định của Luật này và các pháp luật có liên quan.

4. Khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp đầu tư, mở rộng, nâng cấp, cải tạo, chuyển đổi sang các công nghệ tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính; đầu tư và chuyển đổi sang các sản phẩm tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính thông qua các cơ chế hỗ trợ tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh.

5. Chính phủ xây dựng các cơ chế khuyến khích, giải pháp thúc đẩy ứng dụng các quá trình chuyển đổi phù hợp với cuộc cách mạng công nghệ, chuyển đổi số trong sản xuất, chế biến công nghiệp; thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong công nghệ tiết kiệm và hiệu quả năng lượng.

6. Phương tiện, thiết bị, phụ tùng, vật tư phục vụ cho hoạt động nghiên cứu phát triển công nghệ tiết kiệm năng lượng; sản phẩm tiết kiệm năng lượng, các loại phương tiện giao thông tiết kiệm nhiên liệu, sử dụng khí hoá lỏng, khí thiên nhiên, điện, nhiên liệu hỗn hợp, sinh học mà trong nước chưa sản xuất được và thuộc danh mục do Chính phủ quy định được miễn, giảm thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế.”

14. Sửa đổi, bổ sung điểm đ Khoản 3 và bổ sung khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 43 như sau:

“d) Tư vấn, đầu tư thực hiện biện pháp tiết kiệm năng lượng đối với cơ sở sử dụng năng lượng;

4. Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh ngành nghề kiểm toán năng lượng để đảm bảo chất lượng dịch vụ.

5. Chính phủ xây dựng các cơ chế hỗ trợ và khuyến khích để hình thành hệ thống các tổ chức dịch vụ tư vấn năng lượng.

6. Chính phủ quy định về công tác kiểm tra, giám sát đối với các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tư vấn năng lượng, kiểm toán năng lượng, đào tạo kiểm toán viên năng lượng và người quản lý năng lượng.”

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3 và bổ sung khoản 4 Điều 46 như sau:

“1. Xây dựng kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, gửi Bộ Công Thương để tổng hợp.

3. Xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra định kỳ hàng năm, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tại địa phương theo quy định của pháp luật.

4. Báo cáo kết quả thực hiện mục tiêu sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả hàng năm và trong từng giai đoạn 5 năm gửi Bộ Công Thương tổng hợp để báo cáo Thủ tướng Chính phủ.”

**Điều 2**. **Hiệu lực thi hành**

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày … tháng … năm ...

*Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá …, kỳ họp thứ … thông qua ngày … tháng … năm ...*

**CHỦ TỊCH QUỐC HỘI**

*(Ký và đóng dấu)*